

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 74/2025/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 11 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 160/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu C, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Trịnh Tiến H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu Cống 2, xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T và anh Trịnh Tiến H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trịnh Tiến H xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Trịnh Thị Kim T, sinh ngày 29/10/2013, cháu Trịnh Phương T, sinh ngày 05/10/2015 và cháu Trịnh Ngọc T, sinh ngày 20/01/2020. Khi ly hôn, chị T và anh H thống nhất thỏa thuận như sau: Chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trịnh Thị Kim T, sinh ngày 29/10/2013; anh Trịnh Tiến H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trịnh Phương T, sinh ngày 05/10/2015 và cháu Trịnh Ngọc T, sinh ngày 20/01/2020 đến khi các con chung

thành niên (đủ 18 tuổi) và lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình, đất nông nghiệp: Chị Trần Thị T và anh Trịnh Tiến H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002352 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê.

Hoàn trả cho chị Trần Thị T số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê;
- (Kết hôn ngày 13/3/2012);
- Chi cục THA DS h. Cẩm Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Duyên

